

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc và
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán

Ngày 31 tháng 12 năm 2014





MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	6 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	10 - 11

ĐE
ÂI
AG
NI
2-1



THÔNG TIN CHUNG

NGÂN HÀNG

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á ("Ngân hàng") là ngân hàng thương mại cổ phần được thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam theo Giấy phép Hoạt động số 0026/NH-GP ngày 22 tháng 8 năm 1992 do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ("Ngân hàng Nhà nước" hoặc "NHNN") cấp, Giấy phép thành lập số 463/GP-UB ngày 1 tháng 9 năm 1992 do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300872315 ngày 2 tháng 4 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Thời hạn hoạt động của Ngân hàng là 99 năm.

Hoạt động chính của Ngân hàng là cung cấp các dịch vụ ngân hàng, bao gồm hoạt động huy động và nhận tiền gửi ngắn hạn, trung hạn và dài hạn từ các tổ chức và cá nhân khác nhau; hoạt động cho vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đối với các tổ chức và cá nhân khác nhau trên cơ sở tính chất và khả năng nguồn vốn của Ngân hàng; thực hiện các giao dịch ngoại tệ và mua bán vàng miếng, các dịch vụ tài trợ thương mại quốc tế; chiết khấu thương phiếu, trái phiếu và các giấy tờ có giá khác; thực hiện hoạt động bao thanh toán; cung ứng dịch vụ quản lý tiền mặt, tư vấn ngân hàng, tài chính, bảo quản tài sản, cho thuê tủ két, két an toàn; mua bán trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp; ủy thác cho vay và nhận ủy thác cho vay; đại lý bảo hiểm; cho thuê một phần trụ sở kinh doanh chưa sử dụng hết thuộc sở hữu của Ngân hàng; cung ứng dịch vụ thanh toán và các dịch vụ ngân hàng khác được Ngân hàng Nhà nước cho phép.

Ngân hàng có trụ sở chính đặt tại số 201 - 203 Cách Mạng Tháng Tám, Phường 4, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, Ngân hàng có một (1) Trung tâm kinh doanh và mười bảy (17) chi nhánh tại các tỉnh và thành phố trên cả nước.

Vào ngày 23 tháng 2 năm 2006, Ngân hàng đã được NHNN chấp thuận về việc thành lập công ty con 100% vốn là Công ty TNHH Một thành viên Quản lý nợ và Khai thác Tài sản - Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á với vốn điều lệ là 300 tỷ đồng và có thời gian hoạt động là thời gian hoạt động còn lại của Ngân hàng trên phạm vi lãnh thổ Việt Nam theo Quyết định số 288/QĐ-NHNN. Vốn điều lệ đã góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 300 tỷ đồng.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Nguyễn Quốc Toản	Chủ tịch	Bổ nhiệm vào ngày 27 tháng 3 năm 2014
Bà Nguyễn Thị Xuân Loan	Chủ tịch	Miễn nhiệm vào ngày 27 tháng 3 năm 2014
Ông Nguyễn Quốc Mỹ	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm vào ngày 26 tháng 3 năm 2011
Ông Phan Đình Tân	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm vào ngày 27 tháng 3 năm 2014
Ông Huỳnh Thành Chung	Phó Chủ tịch	Miễn nhiệm vào ngày 27 tháng 3 năm 2014
Bà Võ Thị Tuyết Nga	Thành viên	Bổ nhiệm vào ngày 26 tháng 3 năm 2011
Ông Trần Ngô Phúc Vũ	Thành viên	Bổ nhiệm vào ngày 27 tháng 3 năm 2014
Ông Trần Anh Tuấn	Thành viên	Miễn nhiệm vào ngày 27 tháng 3 năm 2014
Ông Lê Thanh Đạm	Thành viên độc lập	Bổ nhiệm vào ngày 31 tháng 3 năm 2012

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Bà Triệu Kim Cân	Trưởng Ban Kiểm soát	Bổ nhiệm vào ngày 26 tháng 3 năm 2011
Ông Trang Xuân Từng	Thành viên chuyên trách	Bổ nhiệm vào ngày 26 tháng 3 năm 2011
Ông Trần Ngọc Dũng	Thành viên chuyên trách	Bổ nhiệm vào ngày 26 tháng 3 năm 2011

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc và Kế toán Trưởng trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Trần Ngô Phúc Vũ	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm vào ngày 1 tháng 4 năm 2013
Bà Võ Thị Tuyết Nga	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm vào ngày 1 tháng 4 năm 2006
Ông Nguyễn Danh Thiết	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm vào ngày 28 tháng 2 năm 2008
Ông Trần Ngọc Tâm	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm vào ngày 28 tháng 2 năm 2008
Ông Nguyễn Bình Phương	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm vào ngày 15 tháng 10 năm 2009
Bà Lý Thị Hiền	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm vào ngày 10 tháng 1 năm 2011
Bà Nguyễn Thị Xuân Thủy	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm vào ngày 27 tháng 1 năm 2014
Bà Lương Thị Cẩm Tú	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm vào ngày 23 tháng 7 năm 2014
Bà Trần Thị Bảo Trâm	Kế toán Trưởng	Bổ nhiệm vào ngày 15 tháng 2 năm 2011

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng từ ngày 1 tháng 1 năm 2014 đến ngày 26 tháng 3 năm 2014 là bà Nguyễn Thị Xuân Loan, chức vụ Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng từ ngày 27 tháng 3 năm 2014 đến ngày lập báo cáo này là ông Nguyễn Quốc Toàn, chức vụ Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Tổng Giám đốc được ủy quyền ký báo cáo tài chính theo Quy chế Tổ chức và Hoạt động của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán của Ngân hàng.

CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG TRONG NĂM

Đại hội đồng cổ đông thường niên 2014 được tổ chức ngày 27 tháng 3 năm 2014 đã thông qua Phương án phân phối lợi nhuận, chia cổ tức, trích lập và sử dụng các quỹ dự trữ của Ngân hàng cho năm 2013.

Đại hội cũng chấp thuận kế hoạch tăng vốn từ 3.000 tỷ đồng lên 4.000 tỷ đồng thông qua hình thức phát hành 100 triệu cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, cán bộ nhân viên và các nhà đầu tư tự do trong nước. Theo đó, Đại hội đã ủy quyền cho Hội đồng Quản trị xem xét quyết định việc điều chỉnh Phương án phát hành và sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng này cho phù hợp với tình hình thực tế của Ngân hàng. Ngân hàng nhà nước đã ra quyết định đồng ý việc tăng vốn của Ngân hàng trong năm 2015.

CHÍNH SÁCH
PHIẾU
CỔ ĐÔNG



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á ("Ngân hàng") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng và công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐÓI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Ngân hàng và công ty con cho các năm tài chính. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Ngân hàng và công ty con có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Ngân hàng và công ty con sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng và công ty con, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Ngân hàng và công ty con và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán các Tổ chức Tín dụng Việt Nam, các quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:

Ông Trần Ngõ Phúc Vũ
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 27 tháng 2 năm 2015



Số tham chiếu: 60758135/17110943-HN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á ("Ngân hàng") và công ty con, được lập ngày 27 tháng 2 năm 2015 và được trình bày từ trang 6 đến trang 67 bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng và công ty con theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán các Tổ chức Tín dụng Việt Nam, các quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng và công ty con có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Ngân hàng và công ty con liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Ngân hàng và công ty con. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán các Tổ chức Tín dụng Việt Nam, các quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Nguyễn Xuân Đại
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0452-2013-004-1



Võ Ngọc Minh
Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2105-2013-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 27 tháng 2 năm 2015



BẢNG CÂN ĐÔI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

B02/TCTD-HN

	<i>Thuyết minh</i>	<i>31/12/2014 VNĐ</i>	<i>31/12/2013 VNĐ</i>
TÀI SẢN			
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	5	178.919.034.216	109.206.155.388
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	6	423.277.006.967	745.630.286.430
Tiền gửi tại và cho vay các tổ chức tín dụng ("TCTD") khác			
Tiền gửi tại các TCTD khác	7.1	14.861.620.975.194	7.059.014.694.046
Cho vay các TCTD khác	7.2	9.986.971.975.194	5.237.280.944.046
Dự phòng rủi ro cho vay các TCTD khác	10	4.874.649.000.000	1.835.500.000.000
Dự phòng rủi ro cho vay các TCTD khác		-	(13.766.250.000)
Chứng khoán kinh doanh	8	146.538.351.586	147.127.344.886
Chứng khoán kinh doanh		149.345.579.386	149.803.621.586
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(2.807.227.800)	(2.676.276.700)
Cho vay khách hàng			
Cho vay khách hàng	9	16.474.594.688.028	11.493.559.428.268
Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	10	16.629.355.912.307	11.570.027.131.139
Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng		(154.761.224.279)	(76.467.702.871)
Chứng khoán đầu tư	11	2.611.196.372.600	6.134.098.000.093
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	11.1	2.453.983.581.063	1.131.598.764.877
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	11.2	157.212.791.537	5.002.499.235.216
Góp vốn, đầu tư dài hạn	12	383.530.000.000	394.280.000.000
Đầu tư dài hạn khác		386.280.000.000	394.280.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		(2.750.000.000)	-
Tài sản cố định			
Tài sản cố định hữu hình	13.1	926.547.171.923	938.567.088.873
Nguyên giá tài sản cố định		453.750.751.041	492.968.632.074
Hao mòn tài sản cố định		609.863.667.020	612.335.952.255
Tài sản cố định thuế tài chính	13.2	(156.112.915.979)	(119.367.320.181)
Nguyên giá tài sản cố định		15.277.871.365	4.130.866.104
Hao mòn tài sản cố định		16.830.861.821	4.310.472.728
Tài sản cố định vô hình	13.3	(1.552.990.456)	(179.606.624)
Nguyên giá tài sản cố định		457.518.549.517	441.467.590.695
Hao mòn tài sản cố định		494.235.180.222	469.996.882.666
Dự phòng rủi ro cho các tài sản Cố định		(36.716.630.705)	(28.529.291.971)
Tài sản Có khác			
Các khoản phải thu	14.1	1.286.782.440.059	1.760.260.094.165
Các khoản lãi, phí phải thu	14.2	577.186.491.254	1.216.958.684.501
Tài sản Có khác	14.3	488.765.909.351	473.252.190.192
Dự phòng rủi ro cho các tài sản Có khác		220.830.039.454	70.644.162.331
		-	(594.942.859)
TỔNG TÀI SẢN		37.293.006.040.573	28.781.743.092.149



BẢNG CÂN ĐÔI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

B02/TCTD-HN

	<i>Thuyết minh</i>	31/12/2014 VNĐ	31/12/2013 VNĐ (Trình bày lại)
NỢ PHẢI TRẢ			
Tiền gửi và vay các TCTD khác		13.161.827.302.122	6.369.723.214.871
Tiền gửi của các TCTD khác	15.1	9.765.927.394.722	4.725.953.256.511
Vay các TCTD khác	15.2	3.395.899.907.400	1.643.769.958.360
Tiền gửi của khách hàng	16	20.319.178.750.965	13.679.001.679.575
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay chịu rủi ro		-	4.077.017.305
Phát hành giấy tờ có giá		-	5.000.000.000.000
Các khoản nợ khác		480.774.352.179	470.507.854.813
Các khoản lãi, phí phải trả	17.1	373.346.859.366	312.026.430.738
Các khoản phải trả và công nợ khác	17.2	107.427.492.813	102.674.999.797
Dự phòng cho công nợ tiềm ẩn và cam kết ngoại bảng	10	-	55.806.424.278
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		33.961.780.405.266	25.523.309.766.564
VỐN CHỦ SỞ HỮU			
Vốn		3.002.582.440.242	3.002.582.440.242
Vốn điều lệ		3.000.000.000.000	3.000.000.000.000
Vốn đầu tư xây dựng cơ bản		10.126.842	10.126.842
Thặng dư vốn cổ phần		2.547.141.600	2.547.141.600
Vốn khác		25.171.800	25.171.800
Các quỹ dự trữ		169.552.729.722	141.248.737.423
Lợi nhuận chưa phân phối		159.090.465.343	114.602.147.920
TỔNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	19	3.331.225.635.307	3.258.433.325.585
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		37.293.006.040.573	28.781.743.092.149

15-C
PHẦN
A
CHÍNH



BẢNG CÂN ĐÓI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

B02/TCTD-HN

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐÓI KẾ TOÁN

	Thuyết minh	31/12/2014 VNĐ	31/12/2013 VNĐ
Nghĩa vụ nợ tiềm ẩn			
Cam kết trong nghiệp vụ L/C		175.024.474.982	57.056.096.855
Bảo lãnh khác		263.532.106.684	117.690.918.849
Tổng cộng	33	438.556.581.666	174.747.015.704

Người lập:

Bà Trần Phương Thảo
Kế toán Tổng hợp

Người kiểm soát:

Bà Trần Thị Bảo Trâm
Kế toán Trưởng



Người phê duyệt:

Ông Trần Ngõ Phúc Vũ
Tổng Giám đốc



Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 27 tháng 2 năm 2015





BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

B03/TCTD-HN

	<i>Thuyết minh</i>	<i>Năm 2014 VNĐ</i>	<i>Năm 2013 VNĐ (Trình bày lại)</i>
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	22	2.378.074.705.422	1.582.957.202.704
Chi phí lãi và các chi phí tương tự	23	(1.695.922.016.769)	(1.178.873.425.390)
Thu nhập lãi thuần		682.152.688.653	404.083.777.314
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ		64.216.063.461	98.842.330.964
Chi phí hoạt động dịch vụ		(21.925.867.446)	(71.176.388.910)
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	24	42.290.196.015	27.665.942.054
Lãi (Lỗ) thuần từ hoạt động kinh Doanh ngoại hối	25	8.405.425.690	(4.300.976.668)
(Lỗ) Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh		(45.218.281)	712.227.276
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	26	3.475.479.606	110.222.147.015
Thu nhập từ hoạt động khác		63.688.668.792	229.298.846.063
Chi phí hoạt động khác		(48.849.798.730)	(131.747.733.365)
Lãi thuần từ hoạt động khác	27	14.838.870.062	97.551.112.698
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	28	32.579.737.715	40.438.567.774
TỔNG THU NHẬP HOẠT ĐỘNG		783.697.179.460	676.372.797.463
Chi phí cho nhân viên		(182.137.374.593)	(151.218.993.734)
Chi phí khấu hao		(50.487.964.605)	(50.713.581.878)
Chi phí hoạt động khác		(230.993.448.434)	(214.497.243.534)
TỔNG CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG	29	(463.618.787.632)	(416.429.819.146)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		320.078.391.828	259.942.978.317
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	10	(77.632.270.816)	(76.533.325.633)
TỔNG LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ		242.446.121.012	183.409.652.684
Chi phí thuế TNDN hiện hành	18.1	(55.280.867.666)	(48.583.596.308)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	18.2	-	-
Tổng chi phí thuế TNDN		(55.280.867.666)	(48.583.596.308)
LỢI NHUẬN SAU THUẾ		187.165.253.346	134.826.056.376
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	20	624	449

Người lập:

Bà Trần Phương Thảo
Kế toán Tổng hợp

Người kiểm soát:

Bà Trần Thị Bảo Trâm
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:

Ông Trần Ngô Phúc Vũ
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 27 tháng 2 năm 2015



BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

B04/TCTD-HN

	<i>Thuyết minh</i>	<i>Năm 2014 VNĐ</i>	<i>Năm 2013 VNĐ</i>
LƯU CHUYÊN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được		2.363.350.136.144	1.677.859.398.766
Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả		(1.632.513.867.290)	(1.081.490.923.374)
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ nhận được		44.830.837.708	29.639.316.966
Chênh lệch số tiền thực thu từ hoạt động kinh doanh chứng khoán, vàng bạc, ngoại tệ			
Thu (chi) khác		11.966.638.115	105.921.112.823
Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý xoá, bù đắp bằng nguồn dự phòng rủi ro	27	13.182.822.405	(5.153.814.669)
Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý, công vụ		1.725.172.246	11.732.280.102
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp thực nộp trong năm	18.1	(558.033.160.191)	(367.796.222.982)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và nợ phải trả hoạt động		(45.283.596.800)	(69.276.509.234)
Những thay đổi về tài sản hoạt động		199.224.982.337	301.434.638.398
(Tăng) giảm các khoản tiền, vàng gửi tại và cho vay các TCTD khác		(2.107.625.000.000)	663.957.654.272
Giảm (tăng) các khoản về kinh Doanh chứng khoán		3.523.359.669.693	(3.705.283.267.637)
Tăng các khoản cho vay khách hàng		(5.059.328.781.168)	(4.721.887.800.604)
Giảm nguồn dự phòng để bù đắp tồn thắt các khoản tín dụng, chứng khoán, đầu tư dài hạn		(68.911.423.686)	(43.643.914.922)
Giảm khác về tài sản hoạt động		658.070.068.582	244.012.268.432
Những thay đổi về nợ phải trả hoạt động		-	(250.000.000.000)
Giảm các khoản nợ Chính phủ và NHNN		6.780.056.904.257	4.272.758.962.088
Tăng các khoản tiền gửi, tiền vay các TCTD		6.640.177.071.390	4.951.915.795.502
Tăng tiền gửi của khách hàng		(3.895.266.061)	(11.789.426)
Giảm vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay chịu rủi ro		(5.000.000.000.000)	3.720.936.348.276
(Giảm) tăng phát hành giấy tờ có giá		(1.553.603.247)	(34.206.574)
(Giảm) về nợ phải trả khác		(3.825.432.582)	(1.505.911.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		5.555.749.189.515	5.432.648.776.805
LƯU CHUYÊN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Mua sắm tài sản cố định		(61.254.509.368)	(184.986.474.592)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	27	7.672.778.888	894.545.454
Tiền thu đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác		250.000.000.000	-
Tiền chi đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác		(242.000.000.000)	(8.800.000.000)
Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn	28	32.579.737.715	40.438.567.774
Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(13.001.992.765)	(152.453.361.364)



BÁO CÁO LUU CHUYÊN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

B04/TCTD-HN

	Thuyết minh	Năm 2014 VNĐ	Năm 2013 VNĐ
LƯU CHUYÊN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Cổ tức trả cho cổ đông, lợi nhuận đã chia	21	(114.172.566.237)	(145.610.767.865)
Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(114.172.566.237)	(145.610.767.865)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm		5.428.574.630.513	5.134.584.647.576
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		6.043.217.385.864	908.632.738.288
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	30	11.471.792.016.377	6.043.217.385.864

Người lập:

Bà Trần Phương Thảo
Kế toán Tổng hợp

Người kiểm soát:

Bà Trần Thị Bảo Trâm
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Ông Trần Ngộ Phúc Vũ
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 27 tháng 2 năm 2015